

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	0%	15%	0%	15%	0%	0%	55%				
1	152232810	Từ Thị Ly	Na	K15KTR1	7			7		7.5			2	0.0	Không	
2	152232813	Trương Hoàng Quốc	Bảo	K15KTR1	10			8		6.5			5.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
3	152232858	Phùng Tiểu	Phụng	K15KTR1	10			7		6.5			4	5.7	Năm phẩy Bảy	
4	152232906	Vô Thế	Hào	K15KTR1	7			4		6			6	5.9	Năm phẩy Chín	
5	152232973	Trần Khánh	Linh	K15KTR1	6			5		6.5			7	6.5	Sáu phẩy Năm	
6	152233028	Nguyễn Văn	Lợi	K15KTR1	8			6		8			4.5	5.8	Năm phẩy Tám	
7	152233033	Thân Ngọc	Long	K15KTR1	10			6		4			4	5.2	Năm phẩy Hai	
8	152233046	Trần Ngọc	Diện	K15KTR1	10			8		7			5.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
9	152233047	Trần Thế	Vũ	K15KTR1	6			7		8			4	5.4	Năm phẩy Bốn	
10	152235532	Nguyễn Đăng Tuấn	Phúc	K15KTR1	10			9		5			4	5.8	Năm phẩy Tám	
11	152232802	Phan Hữu	Minh	K15KTR2	6			5		3			4	4.3	Bốn phẩy Ba	
12	152232807	Nguyễn Văn Việt	Chương	K15KTR2	6			7		5			4	4.9	Bốn phẩy Chín	
13	152232826	Trần Quang	Định	K15KTR2	10			8		5.5			4	5.7	Năm phẩy Bảy	
14	152232862	Ngô Đăng	Điện	K15KTR2	10			10		5			4	6.0	Sáu	
15	152232930	Nguyễn Việt	Lộc	K15KTR2	10			10		5			5	6.5	Sáu phẩy Năm	
16	152232995	Nguyễn Xuân	Trưởng	K15KTR2	7			5		4			6	5.7	Năm phẩy Bảy	
17	152232996	Nguyễn Tuấn	Anh	K15KTR2	10			8		9			2	0.0	Không	
18	152232023	Ngô Đức	Rin	K15KTR3	6			7		3			2	0.0	Không	
19	152232860	Nguyễn Ngọc	Anh	K15KTR3	10			9		9.5			4.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
20	152232889	Đào Ngọc	Quang	K15KTR3	6			7		3			4	4.6	Bốn phẩy Sáu	
21	152232956	Tổng Ngọc	Dũng	K15KTR3	10			9		5			5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
22	152232968	Phan Thị Thanh	Trà	K15KTR3	9			9		5			7	7.3	Bảy phẩy Ba	
23	152232836	Vô Thị Mỹ	Yên	K15KTR4	7			10		9			5.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
24	152232845	Nguyễn Văn	Duy	K15KTR4	6			7		5			2	0.0	Không	
25	152232856	Nguyễn Văn	Thực	K15KTR4	10			8		5			5	6.2	Sáu phẩy Hai	
26	152232931	Dương Minh	Vũ	K15KTR4	6			7		5			2	0.0	Không	
27	152232932	Nguyễn Sơn	Tùng	K15KTR4	6			5		3			4	4.3	Bốn phẩy Ba	
28	152232958	Phạm Khắc	Long	K15KTR4	5			5		5			2.5	0.0	Không	
29	152232981	Nguyễn Minh	Tuấn	K15KTR4	10			10		5			5	6.5	Sáu phẩy Năm	
30	152232997	Nguyễn Văn	Mạnh	K15KTR4	6			5		5			2	0.0	Không	
31	152233059	Nguyễn Minh	Trí	K15KTR4	8			8		9			4	6.0	Sáu	
32	152233061	Trần Hoàng	Tiến	K15KTR4	8			8		9.5			4	6.0	Sáu	
33	142231407	Trần Duy	Linh	K15KTR5	8			7		5			5.5	6.0	Sáu	
34	142231459	Nguyễn Nho Thanh	Tùng	K15KTR5	6			5		6			8	7.0	Bảy	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHOÁ K15KTR ^{2/3} MÔN : TRẮC ĐỊA * SỐ TÍN CHỈ : 02 MÃ MÔN : CIE 260											Học kỳ : Hè Lần thi : 1		
Thời gian : 07h30 - 06/07/2013																	
STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ			
				15%	0%	0%	15%	0%	15%	0%	0%	55%					
35	152232888	Trần Đức	Trung	K15KTR5	7			6		3			7	6.3	Sáu phẩy Ba		
36	152232982	Nguyễn Minh	Tuấn	K15KTR5	10			9		6			6.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
1	161211007	Đinh Mạnh	Cường	C16XCD	7			9		7.5			5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
2	161212249	Lê Hà Xuân	Dương	C16XCDB	7			7		10			5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
3	161212255	Nguyễn Đình	Khánh	C16XCDB	0			0		0			V	0.0	Không		
4	161212256	Phạm Đình	Khôi	C16XCDB	5			5		3			4	4.2	Bốn phẩy Hai		
5	171213313	Hoàng Như Anh	Tân	C17XCDB	7			7		5			4	5.1	Năm phẩy Một		
6	171213328	Trần Quang	Lâm	C17XCDB	6			5		8.5			6.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
7	171213335	Phan Quang	Thông	C17XCDB	6			7		6			2	0.0	Không		
8	171213341	Nguyễn Thạch	Vũ	C17XCDB	7			5		4			4	4.6	Bốn phẩy Sáu		
9	K11.114.0242	Nguyễn Việt	Lai	K11 XD2	10			10		8.5			9	9.0	Chín		
10	142251503	Trần	Kiên	K14KMT	9			9		4			4.5	5.8	Năm phẩy Tám		
11	142231387	Đinh Anh	Dũng	K14KTR1	5			5		3			3	0.0	Không		
12	101150232	Nguyễn Hà	Lâm	K14XDC	5			4		6			5	5.0	Năm		
13	152253121	Ngô Hoàng	Kha	K15KMT	10			6		8.5			5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
14	142211236	Nguyễn Duy	Luân	K15XDC	9			9		9.5			9	9.1	Chín phẩy Một		
15	152222764	Lê Văn Thành	Tài	K15XDC	9			8		6			9	8.4	Tám phẩy Bốn		
16	152222793	Phạm Mai	Trung	K15XDC	9			9		9.5			7.5	8.3	Tám phẩy Ba		
17	152333173	Đinh Long	Hoàng	K15XDC	10			8		7.5			4	6.0	Sáu		
18	152212732	Đào Tiến	Thường	K15XDD2	10			5		9			8.5	8.3	Tám phẩy Ba		
19	161327336	Bùi Lê Minh	Thùy	K16KMT	7			7		8			4	5.5	Năm phẩy Năm		
20	162253647	Đoàn Như	Diệp	K16KMT	8			9		8.5			8	8.2	Tám phẩy Hai		
21	162256772	Lê Quốc	Dũng	K16KMT	7			8		7			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
22	162256774	Đoàn Phạm Ngọc	Rin	K16KMT	6			4		6			7.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
23	162256877	Nguyễn Trần	Đạt	K16KMT	7			7		10			4.5	6.1	Sáu phẩy Một		
24	162257261	Nguyễn Văn	Quang	K16KMT	8			9		10			6.5	7.6	Bảy phẩy Sáu		
25	161215177	Võ Duy	Thái	K16XCD2	7			6		5			4	4.9	Bốn phẩy Chín		
26	161215129	Nguyễn Đăng	Huy	K16XCD3	10			6		10			5.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
27	162223430	Trần Anh	Vũ	K16XDC2	7			5		6			6	6.0	Sáu		
28	162213267	Hồ Thắng	Minh	K16XDD1	7			7		9.5			4	5.7	Năm phẩy Bảy		
29	162213287	Hoàng Thanh	Quang	K16XDD1	7			8		8.5			2	0.0	Không		
30	162213242	Bạc Cẩm Thái	Hoàng	K16XDD3	6			6		5			6.5	6.1	Sáu phẩy Một		
31	162213268	Trần Hải	Nam	K16XDD3	6			6		5			4.5	5.0	Năm		
32	162213280	Bùi Văn	Phú	K16XDD3	6			7		5			4	4.9	Bốn phẩy Chín		
33	162213326	Tướng Xuân	Trúc	K16XDD3	6			6		9.5			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	0%	15%	0%	15%	0%	0%	55%				
34	171216235	Phan Công Đạt	K17XCD1	9			9		7.5			7.5	8.0	Tám		
35	171216362	Bùi Trung Trức	K17XCD1	10			8		6			8	8.0	Tám		
36	171216223	Trần Thanh Chính	K17XCD2	7			7		6.5			6	6.4	Sáu phẩy Bốn		
37	171216322	Nguyễn Mạnh Quốc	K17XCD2	7			7		9			5	6.2	Sáu phẩy Hai		
38	171218841	Lê Tân Hiệp	K17XCD2	7			9		10			6	7.2	Bảy phẩy Hai		
39	171216248	Nguyễn Quốc Duy	K17XCD3	6			5		10			5	5.9	Năm phẩy Chín		
40	171216324	Lê Thái Quý	K17XCD3	7			5		10			6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
41	171216336	Đỗ Thanh Tây	K17XCD3	6			5		10			7	7.0	Bảy		
42	171218831	Võ Minh Hải	K17XCD3	10			9		8			6	7.4	Bảy phẩy Bốn		
43	171218858	Hồ Ngọc Hứng	K17XCD3	0			0		0			6	3.3	Ba phẩy Ba		
44	152220366	Trần Văn Sơn	T15XDC	6			8		7.5			4	5.4	Năm phẩy Bốn		
45	152210186	Đoàn Viết Vương	T16XDD1	10			6		6			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
46	168212033	Võ Minh Quốc	T16XDD2	10			6		7			5.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
47	178224856	Nguyễn Văn Hà	T17XDCB	9			6		6			5.5	6.2	Sáu phẩy Hai		
48	171213334	Nguyễn Quang Tâm	C17XCDB	7			7		5			6	6.2	Sáu phẩy Hai		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU				
STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	72	86%	
2	Số sinh viên nợ	12	14%	
TỔNG CỘNG :		84	100%	

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, 12/07/2013
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(Ký và ghi rõ họ tên)

VÕ QUỐC TOÀN

TRẦN THỊ LAN ANH

LÊ THỊ THU HÀ

ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ